

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 186 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 12 - 2022.

V/v ly hôn giữa chị L và anh L1

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Văn Kiều;

2. Bà Dương Thị Vui.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Trình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L - Sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Bị đơn: Anh Đinh Văn L1 - Sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị L, anh L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày: Chị và anh Đinh Văn L1 đăng ký kết hôn vào tháng 9 năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L1 không chăm lo quan tâm cho gia đình, mâu thuẫn về

kinh tế và không dành tình cảm cho vợ con. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn L1. Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Đinh Mạnh D, sinh ngày 08/4/2011 và cháu Đinh Ngọc Quỳnh Tr, sinh ngày 10/11/2017. Sau khi ly hôn chị Bùi Thị L đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh Đinh Văn L1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng cho tới khi các cháu thành niên đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị Bùi Thị L đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Đinh Văn L1 trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với những điều chị L đã trình bày tại Tòa án. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh từ việc anh có mâu thuẫn với các anh phía gia đình nhà chị L từ đó dẫn đến vợ chồng xảy ra xô xát. Bản thân anh vẫn chăm sóc cho gia đình và quan tâm tới vợ con, việc không sinh hoạt vợ chồng do vấn đề tâm sinh lý khác biệt chứ không phải do anh không chăm lo cho vợ con. Giữa anh và chị L sống ly thân và sinh hoạt riêng từ năm 2021 cho đến nay. Nay chị L có đơn xin ly hôn với anh thì xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn mâu thuẫn chưa tới mức trầm trọng nên anh không nhất trí ly hôn. Về con chung: Anh L1 xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Đinh Mạnh D, sinh ngày 08/4/2011 và cháu Đinh Ngọc Quỳnh Tr, sinh ngày 10/11/2017. Trong trường hợp xấu nhất phải ly hôn thì anh xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Anh L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Anh Đinh Văn L1 đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập chứng cứ, tài liệu xây dựng hồ sơ cũng như diễn biến phiên tòa Tòa án nhân dân huyện N đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát có quan điểm như sau: Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình: xử ly hôn giữa chị Bùi Thị L và anh Đinh Văn L1. Giao con chung là cháu Đinh Mạnh D, sinh ngày 08/4/2011 cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đinh Ngọc Quỳnh Tr, sinh ngày 10/11/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp

dưỡng nuôi con chung. Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội đề nghị tuyên án phí với chị L theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị L và anh Đinh Văn L1 đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay chị Bùi Thị L có đơn xin ly hôn anh Đinh Văn L1 và Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Bùi Thị L và anh Đinh Văn L1 ngày 10 tháng 9 năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai trên cơ sở tự nguyện là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng chị L anh L1 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn tới việc sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn. Anh L1 không nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng vẫn còn. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy: Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Bùi Thị L và anh Đinh Văn L1 ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên khuyên giải nhưng vẫn không đạt kết quả, mặt khác trong quá trình chung sống tuy chị L anh L1 sống chung một nhà nhưng vẫn sống ly thân không sinh hoạt ăn uống cùng nhau do vậy khả năng đoàn tụ giữa vợ chồng chị L và anh L1 không còn, nay chị L xin ly hôn anh L1 xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét việc anh L1 không nhất trí ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị L thấy khả năng đoàn tụ vợ chồng giữa anh L1 với chị L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị L và anh Đinh Văn L1 đều xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Đinh Mạnh D, sinh ngày 08/4/2011 và cháu Đinh Ngọc Quỳnh Tr, sinh ngày 10/11/2017 (Hiện nay chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung). Ly hôn chị L và anh L1 đều có nguyện vọng xin trực tiếp nuôi

hai con chung. Xét thấy nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con chung của anh L1 chị L đều chính đáng và có khả năng điều kiện ngang nhau, việc nuôi dưỡng con chung của chị L, anh L1 đều đảm bảo sự phát triển tốt cho các cháu. Do vậy giao cho anh L1 chị L mỗi người nuôi một cháu là phù hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án tuy cháu D có nguyện vọng xin được ở với mẹ nhưng Hội đồng xét xử thấy cháu Tr còn nhỏ và là con gái do vậy việc giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr sẽ đảm bảo cho sự phát triển của cháu Tr. Vì vậy giao cháu Đinh Mạnh D, sinh ngày 08/4/2011 cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đinh Ngọc Quỳnh Tr, sinh ngày 10/11/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bên nào là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị L và anh Đinh Văn L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1 - Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị L và anh Đinh Văn L1.

2 - Về con chung: Giao con chung của vợ chồng là cháu Đinh Mạnh D, sinh ngày 08/4/2011 cho anh Đinh Văn L1 trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung của vợ chồng là cháu Đinh Ngọc Quỳnh Tr, sinh ngày 10/11/2017 cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, (Hiện chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung). Chị Bùi Thị L có trách nhiệm giao cháu Đinh Mạnh D cho anh L1 chăm sóc nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bên nào. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3 - Về án phí: Chị Bùi Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số 0000767 ngày 05/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- UBND xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai;
- Lưu văn phòng; HSV.A.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương